

ĐIỆN BIÊN PHỦ

THẮNG LỢI CỦA QUYẾT TÂM, KỶ CÔNG VÀ SÁNG TẠO

Đại tá, PGS, TS NGUYỄN MẠNH HÀ*

Hơn nửa thế kỷ đã trôi qua, dư âm của trận quyết chiến chiến lược lịch sử Điện Biên Phủ vẫn còn đọng lại trong tâm trí của mỗi người Việt Nam yêu nước, của bạn bè quốc tế và của chính những người đã từng đứng bên kia chiến tuyến. Một trong những khía cạnh nổi bật góp phần làm nên thắng lợi của trận đánh Điện Biên Phủ - đó là sự quyết tâm, kỷ công và sự sáng tạo của quân và dân ta.

1. Quyết tâm chiến đấu và chiến thắng

Quyết tâm của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta không chỉ thể hiện trong trận Điện Biên Phủ mà xuyên suốt trong toàn bộ cuộc kháng chiến, từ khi chuẩn bị mở đầu cho đến khi kết thúc. Ngay từ những ngày đầu kháng chiến ở Sài Gòn, Nam Bộ, rồi đến Toàn quốc kháng chiến, quyết tâm đó bắt nguồn từ hai nhân tố cơ bản đó là: lòng yêu nước quyết không chịu làm nô lệ và niềm tin vào sự nghiệp chính nghĩa, vào thắng lợi cuối cùng của cuộc kháng chiến dưới sự lãnh đạo của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh. Muốn đánh thắng kẻ thù xâm lược chúng ta phải có tin tâm (lòng tin) và quyết tâm. Chủ tịch Hồ Chí Minh từng đúc kết: Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một

làn sóng vô cùng mạnh mẽ cuốn chìm tất cả bè lũ cướp nước và bán nước.

Trải qua hơn 8 năm kháng chiến, quân và dân ta càng chiến đấu càng trưởng thành, lớn mạnh về mọi mặt, kẻ địch ngày càng suy yếu, bị động. Đó chính là lý do Bộ Chính trị Trung ương Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhanh chóng hạ quyết tâm tiến hành trận quyết chiến chiến lược chỉ sau 16 ngày kể từ khi quân Pháp nhảy dù xuống Điện Biên Phủ (20-11-1953), tập trung cao nhất sức người, sức của thực hiện trận đánh quyết định, nhằm đánh bại ý chí xâm lược của kẻ thù. Đó là một quyết tâm cực kỳ táo bạo, quyết đoán nhưng có cơ sở khoa học và thực tiễn trong khi so sánh lực lượng quân chính quy ta còn kém địch với tỉ lệ 1/1,5 lần (290.000/444.900 người). Quyết tâm đó thể hiện rõ ở việc Bộ Tổng tư lệnh và Tổng Quân ủy từ chỗ chỉ chọn nơi địch yếu, sơ hở đến chỗ quyết định đánh thẳng vào nơi địch mạnh nhất, điều động phần lớn các đơn vị

* Viện Lịch sử quân sự Việt Nam

chủ lực lên Điện Biên Phủ, đó là các Đại đoàn bộ binh 304, 308, 312, 316 và Đại đoàn Công binh – Pháo binh 351 (5/7 đại đoàn hiện có).

Quyết tâm đó còn thể hiện ở chỗ kiên quyết tiêu diệt tập đoàn cứ điểm mạnh nhất của thực dân Pháp, một hình thức phòng ngự cao nhất mà từ trước đến thời điểm này, bộ đội ta chưa từng đánh thắng. Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Tổng tư lệnh kiêm Chỉ huy trưởng chiến dịch, Bí thư Đảng ủy Mặt trận Điện Biên Phủ từng viết trong Hồi ký *Điện Biên Phủ - Điểm hẹn lịch sử*. Bộ đội chủ lực ta từ trước đến nay (đến trước chiến dịch Điện Biên Phủ) chỉ tiêu diệt cao nhất là tiểu đoàn địch tăng cường, có công sự vững chắc ở Nghĩa Lộ. Ở Nà Sản, chúng ta mới đánh vào vị trí tiểu đoàn, dưới tiểu đoàn, công sự đã chiến nằm trong tập đoàn cứ điểm, vẫn có những trận không thành công, bộ đội thương vong nhiều.

Trong khi đó, binh lực quân Pháp và lính lê dương, lính người Thái lúc cao nhất ở Điện Biên Phủ lên tới 17 tiểu đoàn và 7 đại đội, được bố trí trong 49 vị trí, cứ điểm thuộc 8 trung tâm đề kháng của 3 phân khu, nằm trong tập đoàn cứ điểm mạnh tới mức là lũy thừa 10 so với tập đoàn cứ điểm Nà Sản (theo sự so sánh của Raun Xalăng, nguyên Tổng chỉ huy quân viễn chinh Pháp ở Đông Dương). Vì thế, đây là một thử thách rất lớn và không hề dễ dàng đối với quân ta. Thêm vào đó, bộ đội ta còn gặp khó khăn nhiều mặt như chiến trường xa hậu phương hàng trăm kilômét, đường đi hiểm trở, lại bị máy bay Pháp đánh phá, khống chế; tiếp tế vận tải khó khăn, hiệu quả ít; bộ đội chưa được chuẩn bị do kế hoạch mới và đột xuất v.v...

Quyết tâm đó còn được thể hiện rất mãnh liệt trong lời dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh trước lúc Đại tướng Võ Nguyên Giáp lên đường ra trận: *Trận này phải thắng. Chắc thắng mới đánh, không chắc thắng không đánh.*

2. Những kỳ công của chiến dịch

Theo quyết nghị của Bộ Chính trị Trung ương Đảng, Thư kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhân dân các tỉnh phía Bắc, từ Liên khu 4, đồng bằng Liên khu 3, đến Việt Bắc, Tây Bắc đều nô nức tham gia. Khẩu hiệu “*Tất cả vì Điện Biên Phủ*”; “*Tất cả cho chiến thắng*” đã thôi thúc, động viên toàn dân tham gia đóng góp công sức cho trận đánh quyết định này. Con số hơn 260.000 dân công tham gia phục vụ chiến dịch – một số lượng dân công lớn nhất từ trước đến nay, đã nói lên sự kỳ vĩ của trận quyết chiến chiến lược. Lực lượng bộ đội chủ lực trực tiếp tham gia chiến dịch lên tới hơn 50.000 người, cũng là con số cao nhất kể từ đầu cuộc kháng chiến. Chúng ta đã huy động được 628 ô tô vận tải, 21.000 xe đạp thồ, 20.000 các phương tiện vận chuyển khác như ngựa thồ, quang gánh, bè mảng, đã vận chuyển được một khối lượng vũ khí, đạn dược, lương thực khổng lồ gồm 84 khẩu pháo và súng cối từ 75 mm đến 120 mm, 12 dàn hỏa tiễn 6 nòng; hơn 20.000 viên đạn pháo 105 mm; 25.056 tấn lương thực các loại, 900 tấn thịt, hàng nghìn tấn rau và thực phẩm khác...

Ví dụ sinh động về sự kỳ công trong vận chuyển lương thực: tính bình quân một dân công gánh được 24 kg gạo từ miền Tây Thanh Hóa, vượt quãng đường hơn 500 km trong một tháng, đã ăn hết 22 kg trên đường đi, chỉ còn 2 kg tới góp cho mặt trận. Một chiếc

màng chờ được 2-3 tạ gạo, do một nữ dân công điều khiển. xuôi dòng sông Nậm Na hơn 80 km, vượt qua 102 ghềnh thác, đưa hàng tới đích. Xe đạp thồ từ 1-2 tạ gạo, cá biệt có xe thồ tới 352 kg, vượt qua hàng trăm km, có nhiều đèo dốc... Đại tá không quân Pháp Giuyn Roa, từng là cựu binh của trận Điện Biên Phủ sau này đã phải thừa nhận: “không phải viện trợ bên ngoài đã đánh bại tướng Nava mà chính là những chiếc xe đạp Pơ-giô thồ 200-300 kg hàng và đẩy bằng sức người, những con người ăn chưa đủ no và ngủ thì nằm ngay dưới đất trải tấm ni lông. Cái đã đánh bại tướng Nava không phải là phương tiện, mà là sự thông minh và ý chí của đối phương”¹.

Sự kỳ công thứ hai phải kể đến đó là bộ đội ta đã dùng sức người để kéo hơn 80 khẩu pháo nặng trên hai tấn mỗi khẩu vào trận địa. Đây là lần đầu tiên trong một chiến dịch, lực lượng pháo binh, pháo cao xạ được huy động nhiều như vậy. Để đưa pháo vào trận địa bao quanh lòng chảo Điện Biên Phủ, xe ô tô chỉ kéo được pháo đến cách trận địa trung bình là 15 km, còn lại phải kéo bằng tay. Với địa hình quanh co, hiểm trở, nhiều đồi núi cao, vực sâu của miền Tây Bắc, có nơi phải vừa kéo pháo, vừa tự mở đường mà đi, phải vừa nguy trang, đối phó với máy bay, pháo binh địch bắn phá, cán bộ, chiến sĩ bộ binh, công binh, pháo binh đã không quản ngại vất vả, gian khổ hy sinh, dùng sức người (khoảng từ 80 đến 100 người kéo 1 khẩu) đưa các khẩu pháo vào tới trận địa sau 9 ngày đêm kéo pháo liên tục.

Nguyễn Quang Thuận, nguyên là pháo thủ Đại đội 815, Tiểu đoàn 383, Trung đoàn 367 cao xạ. Đại đoàn 351, cho biết: Vừa có quyết

định thay đổi phương châm thi trên lệnh ngay kéo pháo ra. Phát hiện con đường kéo pháo của ta, chúng cho pháo từ Mường Thanh bắn vào, anh em có người bị thương. Kéo pháo ra cực hơn. Khi kéo pháo ra, phải nguy trang lại từ đầu và rất nguy hiểm vì đường dốc, gập ghềnh chỉ rộng 2,8 mét; một bên vách núi dựng đứng, một bên là vực sâu. Đơn vị phân công những đồng chí khỏe nhất, có tinh thần chiến đấu tốt giữ còng pháo. Pháo đi lùi khi xuống dốc, người đỡ còng pháo phải lái sao cho những người phía trên đi được. Dốc Ba Tòi (do bộ đội đặt tên), dốc 60-70 độ; khi kéo vào, 100 bộ binh bám vào khẩu pháo mới kéo lên được từng bước một. Khi kéo pháo ra, cây cối bị đạn pháo địch đổ ngổn ngang, phải dùng cho công binh dọn đường, rồi mới buộc tời lại. Pháo 37 ly, nặng 2,4 tấn, có 3 dây tời, 80 chiến sĩ bộ binh giữ pháo phía trên để đưa xuống. Nguyễn Quang Thuận và hai chiến sĩ là người lái còng. Đến giữa dốc, tời đứt tung cả 3 dây, pháo lao xuống. Bộ binh ở phía trên quyết tâm giữ pháo, dù bị pháo kéo lê đi, có người bị rách hết quần áo, chảy máu, có người bị văng ra ngoài, có người bị tung xuống vực. Mất pháo sẽ mất sức chiến đấu. Bằng mọi giá phải bảo vệ pháo. Hai chiến sĩ giữ còng không chèn được, bị văng đi, pháo cứ lao xuống. Nguyễn Quang Thuận dùng cảm bê còng pháo đưa vào vách đá, khẩu pháo khựng lại. Trước đó, anh Tô Vĩnh Diện đã hy sinh trong khi kéo pháo².

Sau khi Bộ chỉ huy chiến dịch và Đảng ủy Mặt trận quyết định thay đổi phương châm tác chiến từ “Đánh nhanh giải quyết nhanh” sang “Đánh chắc tiến chắc”, tất cả các khẩu pháo lại

được lệnh kéo ra trong tâm trạng cán bộ, chiến sĩ không phải ai cũng thông suốt về tư tưởng.

Không chỉ bộ đội pháo binh có kỳ công kéo pháo vào, kéo pháo ra mà bộ đội công binh cũng đóng góp rất quan trọng vào kỳ tích này. Ông Phạm Ngọc Sinh, nguyên Đại đội trưởng Công binh, Đại đoàn 316, từng trực tiếp tham gia chiến dịch cho biết: Nhiệm vụ của công binh là đi trước về sau, mở đường cho bộ đội lên Điện Biên Phủ. Ông Sinh phụ trách anh em làm đường kéo pháo. Ngụy trang là khâu quan trọng bởi máy bay địch lượn suốt ngày. Bộ đội phải thay nhau đi lấy lá để làm “giàn mướp” che, phải đi xa lấy lá để không lộ; vài ngày lá héo lại phải thay.

Địch không ngờ núi cao như vậy mà bộ đội ta lại mang được pháo hạng nặng vào. Làm đường cho pháo rất vất vả, phải đủ rộng để đưa pháo lên. Núi cao, đào lên toàn đất đỏ và đá to. Dụng cụ chỉ có chèo sắt bằng cổ tay, xẻng và cuốc. Trời lạnh, anh em làm không muốn nghỉ, mong kéo pháo vào nhanh để đánh nhanh³. Bộ đội công binh vừa tham gia làm đường kéo pháo, vừa xây dựng trận địa pháo. Giai đoạn làm hầm lựu pháo 105 ly đối với chiến sĩ công binh không ác liệt nhưng cực kỳ vất vả, gian khổ: phải bạt sườn núi về phía địch thành vách đứng rồi khoét một cái hang to đủ để khi xếp càn pháo lại có thể đẩy lùi cả khẩu pháo vào cất giấu. Phía ngoài hang là hầm pháo khá rộng để triển khai chiến đấu. Hầm có những cột chống, đà đỡ. Đà gỗ đường kính phải 35 cm, cột chống đường kính ít nhất 25 cm. Các đà đỡ, cột chống không được làm vướng động tác của pháo thủ và làm vướng khẩu pháo khi dang càn ra bắn. Hai đà gỗ

bên sát mép vách hầm được rải một lớp gỗ tròn đường kính ít nhất 15 cm, sau đó phủ lên tiếp những bó cây sắt xếp hàng dọc, trên lại nên đất dày 2 mét, tổng chiều dày nắp hầm 3 mét. Miệng hầm phải đủ rộng để pháo có thể lui vào được. Sau đó dùng sọt xếp kín, chỉ còn chừa lỗ châu mai cho nòng pháo nhô ra ngoài đủ để bắn. Bắn xong, pháo được xếp càn, lùi vào hầm phía trong và dùng sọt đất xếp kín lỗ châu mai, để phòng đạn địch khi chúng phản pháo. Mỗi trận địa đều có hầm bắn, hầm lui pháo về phía sau, hầm đạn, hầm trực chiến, hầm chỉ huy.

Mỗi đại đội đều có trận địa dự bị, trận địa giả để dự bị và phân tán hỏa lực địch... không được phép chặt cây quanh trận địa để làm hầm pháo mà phải đi xa bốn, năm, có khi gần chục cây số để tìm ngụy trang, mà cũng chỉ được chặt tia cây rừng và vận chuyển bằng đôi vai về nơi làm trận địa⁴.

Một kỳ công nổi bật trong chiến dịch Điện Biên Phủ là bộ đội ta theo phương châm “Đánh chắc tiến chắc”, đã đào hàng trăm kilômét giao thông hào, chiến hào theo đường xoáy tròn ốc bao vây, thít chặt thông lọng quanh Phân khu Trung tâm tập đoàn cứ điểm để tiêu diệt. Đây là một kỳ công đồng thời cũng là sáng tạo độc đáo của bộ đội ta. Cách đánh “bóc vỏ” từng vị trí, từng cứ điểm, cụm cứ điểm, trung tâm đề kháng thành công chính là nhờ bộ đội ta đã ngày đêm đào hầm hào, lẩn dũi, bao vây quân Pháp. Hào giao thông, chiến hào đã đào cắt ngang cả đường băng sân bay Mường Thanh, khiến máy bay địch không lên xuống được, góp phần cùng bộ đội pháo cao xạ, phòng không không chế, tiến tới chặt đứt cầu hàng không tiếp tế cho Điện Biên Phủ của Pháp.

Vào đợt hai chiến dịch, cứ điểm 106 là cứ điểm phòng ngự kiên cố của địch ở hướng Tây Bắc Trung tâm Mường Thanh. Xung quanh cứ điểm có hàng rào kẽm gai rộng tới 200m, dưới lớp rào là bãi mìn dày đặc. Cứ điểm 106 nằm giữa cánh đồng trồng trái nên việc mở cửa rất khó, chỉ có cách đào hào lần dần dưới lớp rào, đến khoảng cách thích hợp mới mở được đợt phá khẩu. Chiến sĩ ta tổ chức đào ba mũi hào lần dần vào cứ điểm 106 ở ba hướng khác nhau... Đường hào càng vào sâu, càng khó khăn, vất vả, căng thẳng với những tiếng lựu đạn, tiếng đạn súng cối địch nổ đánh ngay trên nóc. Mỗi ngày đêm, chỉ đào được khoảng 50 mét đường ngầm⁵.

Ngày đầu tiên triển khai chiến thuật đánh lần là ngày 17-4. Đất rắn, bộ đội phải nằm đào. Đào được hố nhỏ rồi quỳ khoét đất, đủ sâu thì đứng đào. Anh em nằm xếp hàng, cứ một tiểu đội thì ngoặt chữ chi và bỏ các nhánh hào ra các phía. Không đo đếm được bao nhiêu kilômét hào, chỉ nếu nhìn từ trên xuống thấy không khác gì những mạch máu chằng chịt với các đường hào chính và hào nhánh. Đi lại trong giao thông hào phải có biển chỉ đường... Mỗi ngày chiến sĩ ta phải đào 18 tiếng trong tư thế rất khó khăn, cán xẻng phải cắt ngắn mới có thể thao tác được trong khoảng không gian chật hẹp. Mọi người luân phiên đào hào, chuyên đất, ngủ, nghỉ ngay tại trận địa. Một bộ phận khác được rút vào rừng lấy gỗ, lấy cây che chắn phía trên... Sau một thời gian, các đường hào chằng chịt ngang dọc thất dần, quân Pháp sau mỗi đêm tỉnh dậy lại thấy vòng vây siết chặt⁶.

Kỳ công đáng kể nữa là việc bộ đội ta đào một đường hầm dài hàng chục mét vào lòng

đồi A1, nơi diễn ra trận đánh kéo dài nhất, ác liệt nhất và thương vong của hai bên cũng nhiều nhất trong toàn bộ mặt trận Điện Biên Phủ. Hai trung đoàn 174 và 102 của ta nổ súng tiến công cứ điểm đồi A1 từ chiều ngày 30-3, nhưng đến chiều ngày 4-4 vẫn không dứt điểm được, chỉ chiếm được 1/3 cứ điểm án ngữ phía Đông khu Trung tâm Mường Thanh. Trận chiến đấu tại đây diễn ra dai dẳng, ác liệt cho đến hạ tuần tháng 4-1954. Ngày 17-4, ông Nguyễn Phú Xuyên Khung, lúc đó là Đại đội trưởng “Đội 83” công binh, Trung đoàn 151, Đại đoàn 351, nhận được lệnh của đồng chí Chu Huy Mân, giao cho Đội 83 đào đường hầm và đặt bộc phá trong lòng đồi A1. Chọn vị trí sau khi xác định cửa hầm rồi, bắt đầu đào ngày 20-4... Thời gian đào hầm và đặt bộc phá khoảng 14 ngày. Càng vào càng thiếu khí ngột ngạt, bức bối. Mỗi tổ 3 người vào đào. Anh em dùng xẻng moi đất chứ không đào hùn hục vì sẽ mất nhiệt, mất sức, thiếu ôxi. Vì đường hầm chỉ rộng 90 cm cao 90 cm, đào một lúc lại phải xếp bao đất dài theo đường hầm, bao khâu từ vải dù 40 cm x 40 cm, chiều ngang hầm thành ra còn 50 cm. Anh em còn đào cả một cái buồng để thuốc nổ, cao 1m50, rộng 1m50. Đến khoảng ngày 4, ngày 5-5, do được 38 m thì có lệnh đặt bộc phá để đánh. Bộc phá chuyển vào trong rồi, trên lệnh cho nổ tối ngày 6-5. Bộc phá 1000 kg nổ ngầm dưới đất, chỉ nghe “Ục” một cái; nhưng trong hầm du đưa ghê gớm, bụi, đất đá văng xa⁷.

3. Sáng tạo trong chiến đấu

Sáng tạo lớn nhất, có tính quyết định nhất chính là tìm ra được cách đánh phù hợp. Cách

đánh trong chiến dịch Điện Biên Phủ là đánh kiểu bóc vỏ hành, từ ngoài vào trong, tiêu diệt các vị trí, cứ điểm, trung tâm đề kháng ở ngoại vi trước rồi dần dần đào hào, phát triển vào Phân khu Trung tâm tập đoàn cứ điểm, thít dần vòng vây quanh Sở chỉ huy của Đờ Cátxtori. Đây thực sự là một chiến dịch tiến công trận địa có quy mô lớn nhất của quân đội ta trong cuộc kháng chiến chống Pháp. Cách đánh sáng tạo được biểu hiện:

- Sớm hình thành thế trận bao vây, xây dựng trận địa tiến công và bao vây, ngày càng siết chặt từng cụm cứ điểm và cả tập đoàn cứ điểm, chia cắt thể liên hoàn, làm cho địch khó có thể ứng cứu được cho nhau.

- Tập trung ưu thế binh lực, hỏa lực, phát huy sức mạnh chiến đấu hiệp đồng binh chủng (pháo binh bắn phá trận địa địch, pháo cao xạ không chế bầu trời ngăn chặn máy bay địch ném bom, công binh đào hào lẩn dũi vào vị trí địch, bộ binh xung phong tiêu diệt địch), đánh chắc thắng, tiêu diệt từng bộ phận sinh lực tiến tới tiêu diệt khu trung tâm tập đoàn cứ điểm.

- Chọn cách đánh hiểm, phát huy uy lực mọi thứ vũ khí, kết hợp đánh chính diện với các mũi thọc sâu, luồn sâu; kết hợp các đợt đánh lớn với hoạt động tác chiến thường xuyên bằng vây lẩn, bắn tỉa, hạn chế chỗ mạnh, khoét sâu chỗ yếu của địch.

- Chiến thuật công kiên được phát triển sáng tạo lên một mức cao có quy mô đại đoàn, thể hiện bằng việc tiêu diệt cụm cứ điểm Him Lam; cụm cứ điểm Độc Lập, đồi A1, C1...

Trong chiến dịch này, bộ đội ta cũng đã sáng tạo ra một hình thức chiến thuật mới đó là chiến thuật “đánh lẩn”, một hình thức phát

triển của đánh công kiên trong điều kiện ta tổ chức tiến công, trực tiếp tiếp xúc với địch nhưng so sánh lực lượng chưa cho phép ta tiêu diệt địch ngay. Thành công của hình thức *đánh lẩn* này thể hiện trong các trận tiêu diệt các cứ điểm 106, 105 và đặc biệt là trận đánh cứ điểm 206 của Trung đoàn 36, Đại đoàn 308, từ ngày 17 đến 23-4-1954. Đại tướng Võ Nguyên Giáp đánh giá đây là trận “Đã hoàn thiện và thực sự khẳng định thành công của chiến thuật được gọi là “đánh lẩn”... Một lần nữa, chúng ta càng thấy rõ tác dụng to lớn của cách đánh nhỏ truyền thống, thể hiện sự thông minh, sáng tạo, chủ động của những người chiến sĩ...”⁸.

1. Jules Roy: *Trận Điện Biên Phủ dưới con mắt người Pháp*, NXB TP. HCM, 1994, tr. 608-609. Bản dịch tiếng Việt của Bùi Trần Phương

2, 3. Xem: *Chuyện những người làm nên lịch sử*, Hồi ức Điện Biên Phủ 1954-2009, CTQG, H, 2009, tr.77, 58

4. Theo lời kể của ông Nguyễn Huyền, nguyên Chính trị viên phó Đại đội 54, Tiểu đoàn 106, Trung đoàn 151 công binh, Đại đoàn 351, hiện là Thư ký của Đại tướng Võ Nguyên Giáp; dẫn theo *Chuyện những người làm nên lịch sử*, Sdd, tr.59

5. Theo lời kể của ông Vũ Xuân Vinh, nguyên Tham mưu trưởng Trung đoàn 36, Đại đoàn 308; dẫn theo *Chuyện những người làm nên lịch sử*... Sdd, tr.155

6, 7. Theo Trịnh Tráng, nguyên là một Đại đội trưởng thuộc Trung đoàn 36, Đại đoàn 308; dẫn theo *Chuyện những người làm nên lịch sử*, Sdd, tr.157, 174-175

8. Đại tướng Võ Nguyên Giáp: *Điện Biên Phủ - Điểm hẹn lịch sử*, NXB QĐND, H, 2000, tr. 238.